TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2024/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 8 - 2024
V/v kiện ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Nga, ông Lê Đình Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc "Kiện ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/7/2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đức D, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk *(Có mặt).*

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh T (T1), sinh năm 1983. Địa chỉ: A Dixon Landing Rd A, M, CA 95035, Hoa Kỳ *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Trần Đức D trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức D và bà Nguyễn Thị Minh T (T1) yêu nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2012 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Đến cuối năm 2012 thì bà T sang Hoa Kỳ để làm ăn và sinh sống, từ đó đến nay không trở về, thời gian xa cách quá lâu khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông D đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T (T1) đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo ngày, giờ mở phiên tòa thông qua Bộ tư pháp. Tuy nhiên, bị đơn vẫn vắng mặt. Tại Đơn trình bày ý kiến của bà T gửi Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk được hợp pháp hóa lãnh sự đề ngày 01/4/2023 thì bà T xác định:

Bà T và ông D đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì đến cuối năm 2012 bà T phải sang Hoa Kỳ làm việc và sinh sống đến nay, từ đó hai vợ chồng không thể ở bên nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không chăm lo được cho nhau, nay tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T đồng ý ly hôn với ông D. Về tài sản chung, nợ chung, con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì điều kiện xa cách địa lý nên bà T xin vắng mặt tại các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

*** Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà:**

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo;

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng điểm d khoản 1 Điều 469, điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 147, Điều 157, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đức D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh T.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các bên đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn ông Trần Đức D cư trú tại thôn B, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T (T1) đang cư trú ở Hoa Kỳ. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nên theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470 Bộ luật

Tố tụng dân sự và điểm a, b khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Ngày 13/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Văn bản ủy thác tư pháp và tương trợ tư pháp gửi Bộ Tư pháp để tiến hành việc tống đạt hồ sơ, tài liệu, Thông báo về việc thụ lý, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đến phiên tòa đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Minh T. Ngày 30/11/2023, Bộ Tư pháp có văn bản thông báo đã gửi toàn bộ hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đến Hoa Kỳ. Ngày 15/01/2024, Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Minh T. Bà T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Đức D và bà Nguyễn Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2012 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông D, bà T chỉ chung sống được một thời gian ngắn thì đến cuối năm 2012 bà T đi làm ăn và sinh sống tại Hoa Kỳ, từ đó đến nay không trở về, vợ chồng xa cách, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên ông D yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà T. Trong đơn trình bày ý kiến đề ngày 01/4/2023, bà T nêu quan điểm đồng ý ly hôn với ông D vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông D và bà T đã đến mức trầm trọng, hai bên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, ông D đang sinh sống tại Việt Nam, còn bà T đang sinh sống tại Hoa Kỳ, do đó tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của ông D xin ly hôn với bà T là có cơ sở, cần chấp nhận.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp: Ông Trần Đức D phải chịu chi phí ủy thác, lệ phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp.

[4] Về án phí: Ông Trần Đức D phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 153; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 1 Điều 470; các điều 474, 475, 476, 477 và 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đức D.

Ông Trần Đức D được ly hôn với bà Nguyễn Thị Minh T (T1).

[2] Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[3] Về chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp:

Ông Trần Đức D phải chịu chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp tổng cộng là 3.400.000 đồng *(Ba triệu bốn trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp tạm ứng và số tiền 400.000 đồng *(Bốn trăm nghìn đồng)* lệ phí ủy thác tư pháp đã nộp tạm ứng theo các biên lai thu số 0004053, 0004054 và 0004055 cùng ngày 25/8/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Ông Trần Đức D phải chịu 4.500.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí dịch thuật văn bản, được khấu trừ vào số tiền 20.000.000 đồng *(Hai mươi triệu đồng)* tạm ứng chi phí ủy thác ông D đã nộp tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Tạm giữ số tiền 15.500.000 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng)* còn lại để thực hiện ủy thác tống đạt bản án cho bà Nguyễn Thị Minh T. Ông D sẽ được nhận lại số tiền còn dư sau khi thực hiện xong phần công việc trên.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Ông Trần Đức D phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002138 ngày 01/6/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về quyền kháng cáo:

Ông Trần Đức D được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Nguyễn Thị Minh T (T1) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Duy Tuấn